TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số 359/2022/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Huyện G, ngày 25 tháng 08 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 334/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/08/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1986; nơi cư trú: Phòng 304, tòa A1D1, Khu đô thị Đ, xã Đ, huyện G, thành phố H Nội.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986; nơi cư trú: Phòng 304, tòa A1D1, Khu đô thị Đ, xã Đ, huyện G, thành phố H Nội.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 08 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 08 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị N,

cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh M và chị N cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 17/08/2012 và cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 18/03/2015.

Giao cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu Nguyễn Ngọc H và cháu Nguyễn Anh T kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H, cháu T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn M có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/tháng (mỗi con chung là 2.000.000 đồng/tháng) cho chị N kể từ tháng 08/2022 cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc H, cháu Nguyễn Anh T trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Anh M và chị N tự thỏa thuận và không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

2.3. Về nợ chung vợ chồng (vay nợ và cho vay nợ): Anh M và chị N xác nhận vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết về nợ chung của vợ chồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn M chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0073435 ngày 12/08/2022 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện G. Xác nhận anh M đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Như Trọng

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2010, ngày 05/08/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.